

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ TUY HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 37/ 2024/DS-ST  
Ngày: 18/6/2024  
“V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoa Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Vũ Trang Nhi– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-DS ngày 01/3/2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXX-ST ngày 07/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt: Ngân hàng). Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Ủy quyền cho bà Huỳnh Trần Hoàng N, chức vụ Quyền giám đốc chi nhánh tỉnh P. Theo giấy ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám Đốc. Bà Huỳnh Trần Hoàng N ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T chức vụ Chuyên viên quản lý nợ. Theo giấy ủy quyền số 49/2024/GUQ-CNPY ngày 29/01/2024. Địa chỉ liên hệ: 205-207-209-211 H, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà T có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức L, sinh năm: 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: 2 C, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 13/9/2022, ông Huỳnh Đức L đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2241347, loại thẻ Visa Platinum Cashback và Giấy đề nghị nâng hạn mức ngày 31/10/2022, số tài khoản thẻ 3942868443, mục đích tiêu dùng cá

nhân. Ngân hàng đồng ý và cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông **L** không trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn. Nhiều lần Ngân hàng thông báo ông **L** trả nợ nhưng ông **L** vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 18/6/2024, khoản nợ gốc và lãi cuối kỳ là 148.786.0004đ. Yêu cầu ông **Huỳnh Đức L** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

-Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại **thành phố T** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 13/9/2022, ông **Huỳnh Đức L** có ký với **Ngân hàng TMCP S** giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2241347, loại thẻ Visa Platinum Cashback và Giấy đề nghị nâng hạn mức ngày 31/10/2022, số tài khoản thẻ 3942868443 với hạn mức 100.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông **Huỳnh Đức L** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Như vậy khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên. Tính đến ngày 18/6/2024, số tiền nợ gốc 113.508.255đ và nợ lãi 35.277.749đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 148.786.004đ (một trăm bốn mươi tám triệu

bảy trăm tám mươi sáu ngàn không trăm lẻ bốn đồng).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông **Huỳnh Đức L** phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bị đơn ông **Huỳnh Đức L** phải trả nợ vay cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 148.786.004đ (một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn không trăm lẻ bốn đồng). Trong đó nợ gốc 113.508.255đ và nợ lãi 35.277.749đ.

Kể từ ngày 19/6/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn ông **Huỳnh Đức L** còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thế tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

**Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông **Huỳnh Đức L** phải chịu 7.439.000đ (bảy triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**H** lại cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền 3.245.000đ (ba triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002271 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

- **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Hoa Dung**



